

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1981; cư trú tại: Khu S 1, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2- **Bị đơn:** Anh **Hà Trung K**, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu S 1, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 02/6/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Hà Trung K tự nguyện kết hôn với nhau ngày 14/8/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống,

quan điểm sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hai bên gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2021, bị đơn là anh Hà Trung K trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị S trình bày. Theo anh K, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả anh và chị S đều có quan hệ tình cảm với người khác dẫn tới vợ chồng thường xuyên tranh cãi bất hòa. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Anh K không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm yêu thương với chị S và muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị S và anh K thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Hà Hải A - sinh ngày 20/02/2009, Hà Hải N - sinh ngày 05/10/2012. Hiện 02 con chung sống cùng chị S, anh K. Nếu ly hôn, chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải N, anh K trực tiếp nuôi con chung là Hà Hải A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị S, anh K thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Hà Trung K.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi con chung là Hà Hải N- sinh ngày 05/10/2012, anh Hà Trung K trực tiếp nuôi con chung là Hà Hải A- sinh ngày 20/02/2009, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị S, anh K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú là xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Trần Thị S và anh Hà Trung K bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị S và anh K là do vợ chồng thiếu sự yêu thương, tin tưởng nhau dẫn tới thường xuyên nói cãi nhau. Năm 2019, chị S đã gửi đơn ly hôn nhưng được khuyên giải nên đã rút đơn về đoàn tụ. Lần mâu thuẫn này, mặc dù hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 05/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh K không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian sống ly thân, anh K không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và trong thực tế, tình cảm yêu thương chỉ xuất phát từ một bên nên đề nghị đoàn tụ của anh K không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Kết quả thu nhập chứng cứ và lời trình bày của đương sự cho thấy điều kiện nuôi con của anh K, chị S như nhau và nếu giao cả 02 con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế và điều kiện chăm sóc con chung. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng nhà với chị S, anh K. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định và toàn diện của con chung, cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải Nam, anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải Anh và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị S được ly hôn anh Hà Trung K.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải N- sinh ngày 05/10/2012, anh Hà Trung K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Hải A - sinh ngày 20/02/2009, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị S và anh Hà Trung K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Trần Thị S, anh Hà Trung K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007615 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng